

III. Củng cố - Dặn dò: <ul style="list-style-type: none">- GV đưa mẫu các nét cơ bản không theo thứ tự gọi lần lượt HS nêu tên nét và viết nét trên bảng lớp.- Dặn HS về nhà tập viết các nét cơ bản vào tập ở nhà.- Nhận xét tiết học.	- Thực hiện yêu cầu.
--	----------------------

Thứ tư, ngày 20 tháng 8 năm 2014

Toán

Bài: NHIỀU HƠN, ÍT HƠN

I. Mục tiêu:

- Biết so sánh số lượng hai nhóm đồ vật.
- Biết sử dụng từ nhiều hơn, ít hơn để so sánh các nhóm đồ vật.

II. Đồ dùng dạy học:

- 5 cái cốc, 4 cái thìa. 3 cái bình, 4 cái nắp
- Hình 3 chú thỏ và 2 củ cà rốt; hình nồi và nắp nồi; hình phích cắm điện và các đồ vật lên khổ giấy to.
- Phiếu học tập vẽ hình giống giấy khổ to.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định: hát	
2. Bài cũ: Tiết học đầu tiên <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS giới thiệu và nêu cách sử dụng đồ dùng học tập của mình.- Gv nhận xét, tuyên dương.	-2-3 HS nêu
3. Bài mới: “Nhiều hơn, ít hơn”	
a. Giới thiệu bài:	
b. Các hoạt động:	
* So sánh số lượng cốc và thìa:	
- GV đặt lên bàn 5 cái cốc và nói “Có một số cốc”. Cầm 4 cái thìa trên tay và nói “Có một số thìa, chúng ta sẽ so sánh số cốc và số thìa”.	- HS quan sát và lắng nghe.
- Gọi 1 HS lên bảng đặt các thìa vào các cốc và hỏi: “Còn chiếc cốc nào không có thìa không?”	- 1 HS lên bảng đặt các thìa vào các cốc. HS trả lời: Còn 1 chiếc cốc không có thìa.
- GV nêu: Khi đặt vào mỗi chiếc cốc một chiếc thìa thì vẫn còn 1 chiếc cốc không có thìa, ta nói số cốc nhiều hơn số thìa. Gọi HS nhắc lại.	- HS lắng nghe và nhắc lại cá nhân, lớp: <i>Số cốc nhiều hơn số thìa.</i>
- GV nêu: Khi đặt vào mỗi chiếc cốc một chiếc thìa thì không còn thìa để đặt vào chiếc cốc còn lại, ta nói số thìa ít hơn số cốc. Gọi HS nhắc lại.	- HS lắng nghe và nhắc lại cá nhân, lớp: <i>Số thìa ít hơn số cốc.</i>

<p>* So sánh số bình và số nắp:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đưa ra số bình và số nắp rồi gọi 1 HS lên bảng thực hành so sánh số bình và số nắp.- GV đặt câu hỏi gợi ý cho HS so sánh: <p>+ Khi em đẩy nắp vào bình em thấy điều gì?</p> <p>+ Số nắp như thế nào so với số bình?</p> <p>+ Có đủ số bình để đẩy chiếc nắp còn lại không?</p> <p>+ Số bình như thế nào với số nắp?</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét câu trả lời của HS và gọi vài HS nêu lại phép so sánh. <p>3. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV phát phiếu học tập cho HS.- GV treo tranh thỏ và cà rốt lên bảng, hướng dẫn HS so sánh số thỏ và số cà rốt bằng cách nói một chú thỏ với một củ cà rốt (vừa nói vừa làm). GV đặt câu hỏi: <p>+ Thỏ hay củ cà rốt thừa ra?</p> <p>+ Số thỏ như thế nào với số cà rốt?</p> <p>+ Số cà rốt như thế nào với số thỏ?</p> <ul style="list-style-type: none">- GV lần lượt treo 2 tranh còn lại và tiến hành tương tự. <p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS quan sát và so sánh các đồ vật có trong lớp học như số cửa sổ với số cửa lớp, số quạt so với số bàn ghế.- Dặn HS về nhà so sánh các đồ vật trong nhà.- Nhận xét tiết học.	<ul style="list-style-type: none">- 1 HS lên bảng thực hành đẩy nắp vào bình, quan sát và so sánh.- HS thực hành đẩy nắp vào bình trả lời: <p>+ Khi đẩy nắp vào bình em thấy có 1 cái nắp không có bình để đẩy.</p> <p>+ Số nắp nhiều hơn số bình.</p> <p>+ Không đủ.</p> <p>+ Số bình ít hơn số nắp.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS nêu cá nhân: Số nắp nhiều hơn số bình. Số bình ít hơn số nắp. <p>- HS quan sát và lắng nghe GV hướng dẫn.</p> <p>- HS trả lời cá nhân:</p> <p>+ Thỏ còn thừa ra.</p> <p>+ Số thỏ nhiều hơn số cà rốt.</p> <p>+ Số cà rốt ít hơn số thỏ.</p> <p>- HS tiến hành so sánh tương tự.</p> <p>- HS so sánh số đồ vật trong lớp với nhau.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	--

Học vần
Bài: e

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được chữ và âm e.
- Trả lời được 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh trong SGK.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bộ ghép chữ Học vần.
- Tranh minh họa các tiếng bé, me, xe, ve.
- Tranh minh họa phần luyện nói.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																																																																
TIẾT 1																																																																	
<p>I. Giới thiệu bài:</p> <p>II. Dạy bài mới:</p> <p>1. Dạy chữ ghi âm e:</p> <p>a). Nhận diện chữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giơ chữ e lên và nói: Đây là chữ e. Chữ e được viết bởi 1 nét thẳng. - GV yêu cầu HS tìm chữ e trong bộ Học vần. <p>b) Đọc âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát âm to, rõ ràng âm e. - Gọi HS nối tiếp nhau đọc âm e: cá nhân, dãy, lớp. GV chỉnh sửa lỗi phát âm cho HS (nếu có) <p>c). Viết chữ e:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem mẫu chữ e viết sẵn trong khung ô li. - GV hướng dẫn viết chữ e lên bảng có kẻ ô li và giới thiệu cho HS biết: Chữ e cao 2 ô li. Khi viết ta đặt phần ở bên dưới của dòng kẻ thứ 2, kéo hơi lệch về phía bên phải một chút lên dòng kẻ thứ 1. Sau đó viết vòng xuống và dừng bút ở đường kẻ thứ 3. - GV đặt câu hỏi cho HS nắm cách viết chữ e: Độ cao của chữ? Điểm đặt bút? Điểm dừng bút? - GV cho HS viết bảng con chữ e. GV chú ý chỉnh sửa cho HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát. - HS tìm chữ e trong bộ Học vần. - HS nối tiếp nhau đọc âm e: cá nhân, dãy, lớp. - HS quan sát, lắng nghe. - HS trả lời các câu hỏi của GV. - HS viết bảng con chữ e. <table border="1" style="width: 100%; height: 40px; margin-top: 10px;"> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>																																																																
TIẾT 2																																																																	
<p>2). Luyện tập:</p> <p>a). Luyện đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tiếp nối nhau đọc lại âm e cá nhân, dãy, lớp. GV chỉnh sửa cho HS phát âm chưa đúng. <p>b). Luyện viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết và cho HS tập tô chữ e trong vở Tập viết 1, tập 1. - GV chấm một số tập và nhận xét bài viết của HS. <p>c). Luyện nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV lần lượt treo từng tranh lên bảng và đặt câu hỏi cho HS trả lời về nội dung bức tranh: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp nhau đọc âm e cá nhân, dãy, lớp. - HS tập tô chữ e vào Tập viết. - HS quan sát và trả lời câu hỏi của GV phù hợp với từng tranh: 																																																																

<p>+ Tranh vẽ cảnh gì?</p> <p>+ Trong tranh mọi người, mọi vật đang làm gì?</p> <p>+ Những bài học đó là gì?</p> <p>+ Lớp học nào giống với lớp học của chúng ta?</p> <p>- GV kết luận: Học tập là một công việc rất quan trọng. Đi học giúp chúng ta có hiểu biết và có nhiều bạn bè. Vì vậy chúng ta cần phải chăm chỉ học tập thì mới nhanh biết đọc, biết viết.</p> <p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <p>- GV yêu cầu HS tìm những tiếng khác có chứa âm e.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>+ T1: Chim mẹ dạy con tập hát. T2: Đàn ve đang học đàn. T3: Đàn ếch đang học bài. T4: Thầy giáo gấu đang dạy chữ e. T5: HS đang tập đọc chữ e.</p> <p>+1HS. Mọi người đang học.</p> <p>+1HS. Những bài học đó là: học hát, học đánh đàn, học đọc học viết.</p> <p>+ 1HS. Lớp học của bạn gấu.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thi nhau tìm tiếng có chứa âm e: mẹ, nghe, xé,....</p>
--	--

Tự Nhiên và Xã Hội
Bài: CƠ THỂ CHÚNG TA

I. MỤC TIÊU:

- Nhận ra 3 phần chính của cơ thể: đầu, mình, chân tay và một số bộ phận bên ngoài như tóc, tai, mắt, mũi, miệng, lưng, bụng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Tranh minh họa như trong SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>I. Giới thiệu bài: GV nói sơ lược về mục tiêu của môn học cho HS biết và giới thiệu vào bài.</p> <p>II. Dạy bài mới:</p> <p>1. Hoạt động 1: Quan sát tranh</p> <p><i>* Mục tiêu: Gọi đúng tên các bộ phận bên ngoài của cơ thể.</i></p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát tranh ở trang 4: Chỉ và nói tên các bộ phận bên ngoài của cơ thể.</p> <p>- GV đính tranh trang 4 lên bảng và gọi HS lên chỉ và nói tên các bộ phận bên ngoài của cơ thể. GV khuyến khích HS nói tên càng nhiều bộ phận càng tốt.</p> <p>- GV kết luận: <i>Các bộ phận bên ngoài của cơ thể gồm đầu, mình, tay chân và một số bộ phận khác như mắt, mũi, miệng, tai, tóc.</i></p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi (2 phút) quan sát tranh trang 4.</p> <p>- HS chỉ và nói tên bộ phận bên ngoài cơ thể trước lớp. Cả lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

2. Hoạt động 2: Quan sát tranh.

* **Mục tiêu:** HS quan sát tranh về hoạt động của một số bộ phận của cơ thể và nhận biết được cơ thể chúng ta gồm ba phần là đầu, mình và tay chân.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát tranh ở trang 5: Chỉ và nói xem các bạn trong hình đang làm gì? Các bạn nhỏ sử dụng bộ phận nào của cơ thể để làm những việc đó?

- GV đính từng tranh lên bảng và gọi HS nói tên hành động và bộ phận dùng để làm hành động đó. Sau mỗi tranh, GV có thể cho cả lớp thực hành động tác.

- GV hỏi:

+ Cơ thể chúng ta gồm có mấy phần?

+ Ba bạn nhỏ cuối trang thường xuyên tập thể dục sẽ có tác dụng gì?

- GV kết luận: *Cơ thể chúng ta gồm ba phần chính: đầu, mình, tay chân. Chúng ta nên tích cực vận động, không nên lúc nào cũng ngồi yên một chỗ. Hoạt động sẽ giúp chúng ta khỏe mạnh và nhanh nhẹn.*

3. Hoạt động 3: Tập thể dục.

* **Mục tiêu:** gây hứng thú rèn luyện thân thể cho HS.

- GV dạy HS học bài hát: Cúi mãi mỏi lưng. Viết mãi mỏi tay. Thẻ dục thể này là hết mỗi mệt. GV lưu ý làm động tác phù hợp với từng câu.

- GV cho 1 HS lên trước lớp thực hiện một số động tác thể dục đơn giản cho cả lớp làm theo.

- GV kết luận: *Muốn cơ thể phát triển tốt và khỏe mạnh cần tập thể dục hằng ngày.*

III. củng cố - Dặn dò:

- GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”. Yêu cầu HS chỉ vào đúng bộ phận mà GV nêu, không làm theo GV.

- Dặn HS về nhà phải thường xuyên tập thể dục.

- Nhận xét tiết học.

- HS thảo luận nhóm đôi (4 phút) quan sát tranh trang 5.

- HS lên bảng thực hiện, nói tên động tác và bộ phận cơ thể dùng để thực hiện động tác đó.

- HS trả lời:

+ Cơ thể chúng ta gồm 3 phần đầu, mình và tay chân.

+ Thường xuyên tập thể dục giúp cơ thể luôn khỏe mạnh.

- HS lắng nghe.

- HS học hát và thực hiện động tác theo GV.

- HS thực hành tập thể dục.

- HS lắng nghe.

- HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”.

- HS lắng nghe.

Thứ năm, ngày 21 tháng 8 năm 2014

Toán

Bài: HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được hình vuông, hình tròn, nói đúng tên hình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Mẫu vật cho phân kiểm tra bài cũ (ly, thìa, hoa, ...)
- Một số hình vuông, hình tròn bằng giấy bìa.
- Mẫu vật có hình vuông, hình tròn (hộp bánh, ly, ...)
- Phiếu học tập cho HS

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>I. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV hỏi lại tựa bài cũ và cho HS so sánh một số nhóm đồ vật.- GV nhận xét, ghi điểm cho HS. <p>II. Dạy bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài: GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng. Gọi HS nhắc lại tựa bài.</p> <p>2. Giới thiệu hình vuông:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đưa tấm bìa có hình vuông cho HS xem và giới thiệu: Đây là hình vuông.- GV giơ những tấm bìa hình vuông khác, hỏi HS “Đây là hình gì?” và gọi HS trả lời.- GV yêu cầu HS tìm hình vuông trong bộ đồ dùng học toán.- GV yêu cầu HS tìm một số đồ vật có mặt là hình vuông. <p>3. Giới thiệu hình tròn: Tiến hành tương tự như giới thiệu hình vuông.</p> <p>4. Thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none">* Bài 1: Tô màu hình vuông.- Y/c HS dùng bút chì màu tô màu hình vuông.* Bài 2: Tô màu hình tròn.- Tiến hành tương tự như bài 1. Riêng hình cuối hướng dẫn HS tô những màu khác nhau.* Bài 3: Tô màu.- Tiến hành tương tự như bài 1. GV lưu ý HS tô màu hình vuông và hình tròn phải khác nhau. <p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS kể tên những vật có hình vuông, hình tròn có trong lớp, ở nhà.- Nhận xét tiết học.	<ul style="list-style-type: none">- 2 HS so sánh nhóm đồ vật GV nêu.- HS lần lượt nhắc lại tựa bài Hình vuông, hình tròn.- HS quan sát.- HS trả lời cá nhân: Đây là hình vuông.- HS tìm hình vuông trong bộ đồ dùng học toán đặt lên bàn.- HS tìm đồ vật có hình vuông: đá lát nền, khăn tay,...- HS tô màu hình vuông.- HS tô màu hình tròn.- HS tô màu hình vuông và hình tròn khác nhau.- HS lần lượt kể tên những vật có hình vuông, hình tròn.- HS lắng nghe.

Môn: Học vần
Bài: b

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được chữ và âm *b*.
- Đọc được *be*.
- Trả lời được 2-3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh trong SGK.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bộ ghép chữ Học vần.
- Tranh minh họa các tiếng bé, bà, bong, bê.
- Tranh minh họa phần luyện nói.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
I. Kiểm tra bài cũ: <ul style="list-style-type: none">- GV viết bảng một số từ có chữ e: khe, đèn, kem và lần lượt gọi 3 HS lên bảng chỉ vào chữ e.- GV nhận xét, ghi điểm cho HS.	- HS thực hiện yêu cầu
II. Dạy bài mới: 1. Giới thiệu bài: GV dùng tranh minh họa để giới thiệu bài.	
2. Dạy chữ ghi âm b: a). Nhận diện chữ: <ul style="list-style-type: none">- GV giơ chữ b lên và nói: Đây là chữ b. Chữ b được viết bởi 2 nét là nét dọc và nét cong phải.- GV yêu cầu HS tìm chữ b trong bộ Học vần.	- HS quan sát. - HS tìm chữ b trong bộ Học vần.
b) Đọc âm: <ul style="list-style-type: none">- GV phát âm to, rõ ràng âm b.- Gọi HS nối tiếp nhau đọc âm b: cá nhân, dãy, lớp. GV chỉnh sửa lỗi phát âm cho HS (nếu có)	- HS nối tiếp nhau đọc âm b: cá nhân, dãy, lớp.
c). Ghép chữ và đọc: <ul style="list-style-type: none">- GV lấy âm e, vừa ghép vừa nói: Âm b ghép với âm e ta được tiếng be. GV chú ý HS âm b luôn đứng trước âm e.- GV đánh vần mẫu <i>bờ - e - be - be</i>.- GV yêu cầu HS lấy âm e, ghép và đánh vần tiếng cá nhân, dãy, lớp.	- HS quan sát, lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS lấy thêm âm e, ghép và đánh vần tiếng cá nhân, dãy, lớp.
d). Viết chữ b: <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS xem mẫu chữ b viết sẵn trong khung ô li.- GV hướng dẫn viết chữ b lên bảng có kẻ ô li và giới thiệu cho HS biết: Chữ b cao 5 ô li. Khi viết ta đặt bút ở đường kẻ thứ 5 viết nét khuyết dưới cao 5 ô li. Sau đó viết nét thắt cao 2 ô li sao cho	- HS quan sát, lắng nghe.

điểm dừng bút ngay dòng kẻ thứ 4.

- GV đặt câu hỏi cho HS nắm cách viết chữ b: Độ cao của chữ? Điểm đặt bút? Điểm dừng bút?
- GV cho HS viết bảng con chữ b. GV chú ý chỉnh sửa cho HS.

- GV hướng dẫn HS viết tiếng be. Sau đó cho HS viết bảng con tiếng be. GV lưu ý HS khoảng cách giữa chữ b và chữ e là nửa ô li.

TIẾT 2

2). Luyện tập:

a). Luyện đọc:

- GV cho HS tiếp nối nhau đọc lại âm b, tiếng be cá nhân, dãy, lớp. GV chỉnh sửa cho HS phát âm chưa đúng.

b). Luyện viết:

- GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết và cho HS tập tô chữ b, be trong vở Tập viết 1, tập 1.
- GV chấm một số tập và nhận xét bài viết của HS.

c). Luyện nói:

- GV lần lượt treo từng tranh lên bảng và đặt câu hỏi cho HS trả lời về nội dung bức tranh:
 - + Tranh vẽ cảnh gì?

- + Trong tranh mọi người, mọi vật đang làm gì?
- + Em thấy bạn voi cầm sách học như thế nào?
- + Vì sao bạn Voi lại cầm sách ngược?
- + Bạn Gấu đang viết chữ gì?

- GV kết luận: Khi học, khi chơi các em phải chăm chỉ, tập trung thì mới đạt được kết quả tốt.

III. Củng cố - Dặn dò:

- GV yêu cầu HS tìm những tiếng khác có chứa âm b
- Nhận xét tiết học.

- HS trả lời các câu hỏi của GV.

- HS viết bảng con chữ b.

- HS quan sát GV hướng dẫn viết tiếng be. Sau đó HS viết bảng con tiếng be.

- HS nối tiếp nhau đọc âm b, tiếng be cá nhân, dãy, lớp.

- HS tập tô chữ b, be vào Tập viết.

- HS quan sát và trả lời câu hỏi của GV phù hợp với từng tranh:

- + T1: Chim non đang học bài. T2: Gấu đang tập viết. T3: Voi đang đọc sách. T4: Bé đang tập kẻ. T5: hai bạn đang chơi trò xếp hình.

+1HS. Mọi người đang học.

+1HS. Bạn Voi cầm sách ngược.

+ 1HS. Vì bạn Voi chưa biết chữ.

+1HS. Bạn Gấu đang viết chữ e.

- HS lắng nghe.

- HS thi nhau tìm tiếng có chứa âm b: bàn, bình, bó, bi,....